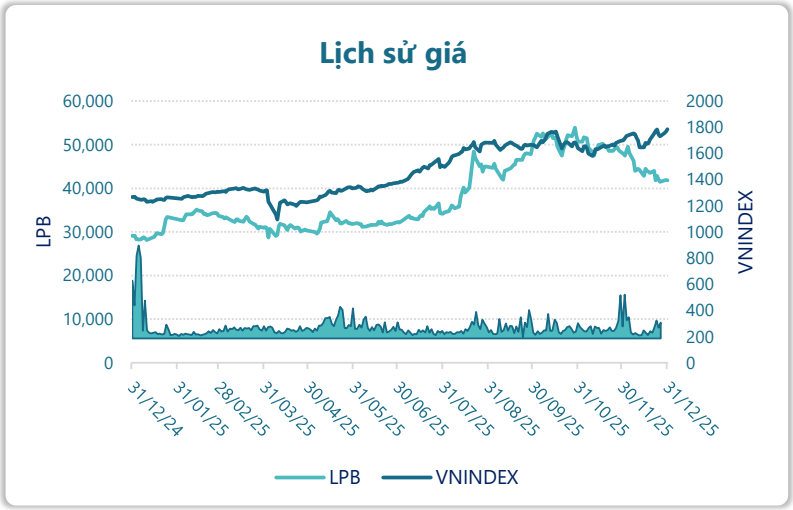
FireAnt

Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (HSX: LPB)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**41,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	53,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	28,132
SL cổ phiếu LH	2,987,282,100
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,875,860
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	124,868
P/E	10.9
EPS	3,824

DT thuần

Q4/25

-6,424

tỷ VNĐ

QoQ: ▼327| -5.4%

YoY: ▼1,462| -29.5%

LN sau thuế

Q4/25

0

tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT

2025

6.0%

+/- YoY: ▼ 4.2%

DT thuần

2025

-23,257

tỷ VNĐ

YoY: ▼4,514| -24.1%

LN sau thuế

2025

0

tỷ VNĐ

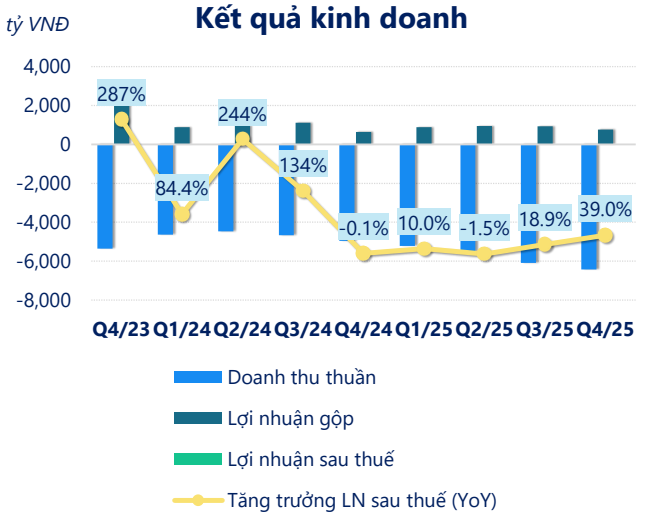
ROE

2025

#VALUE!

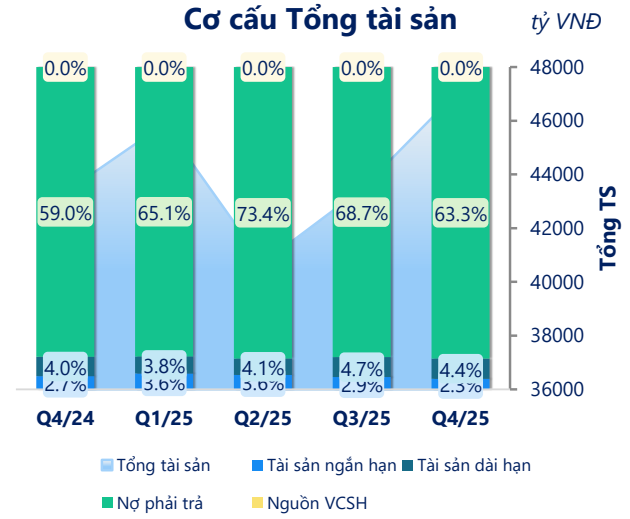
#VALUE!

Kết quả kinh doanh



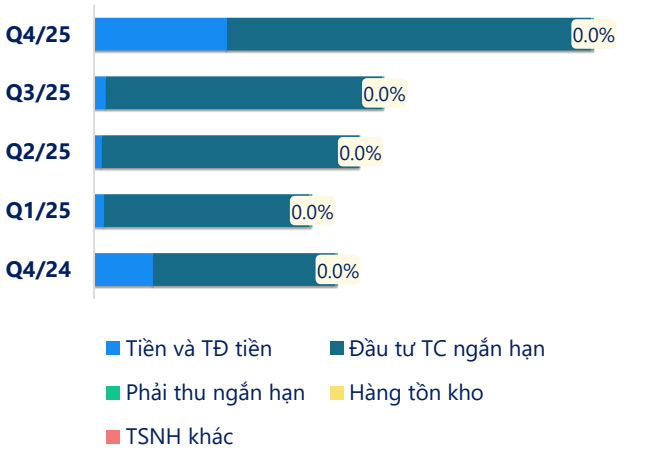
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



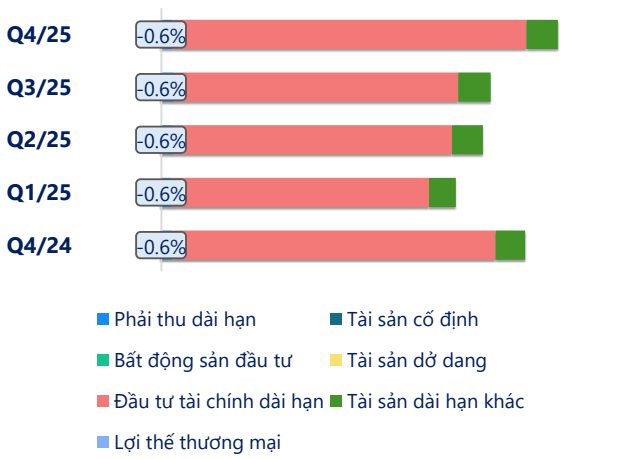
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



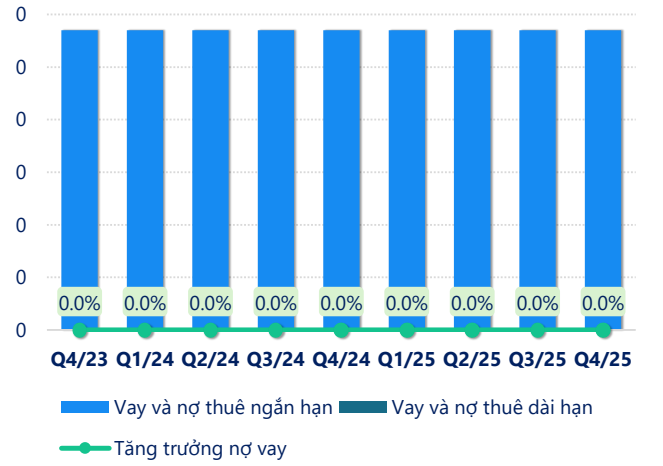
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



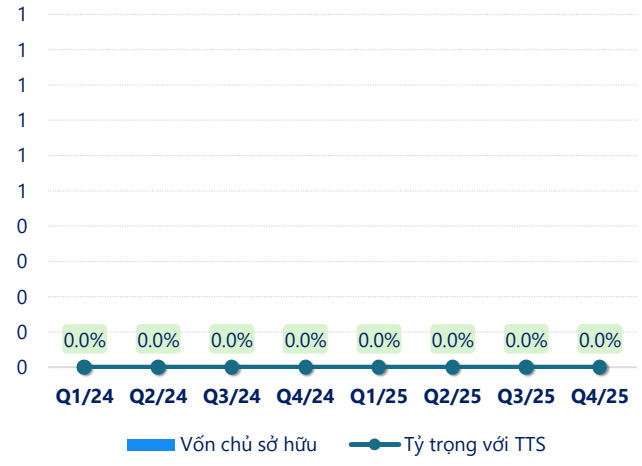
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



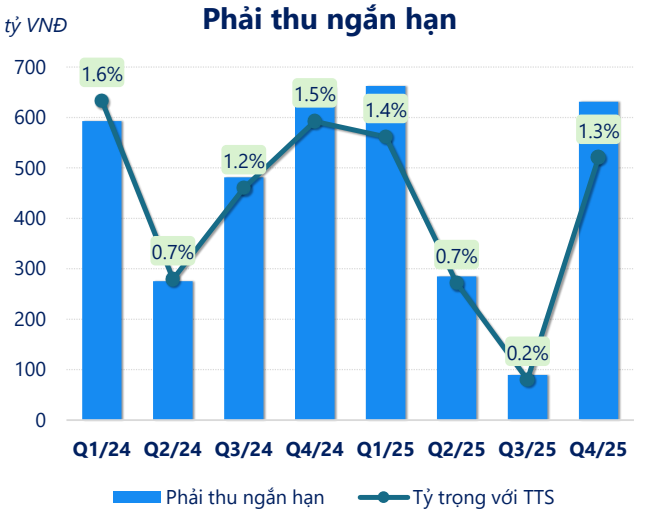
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



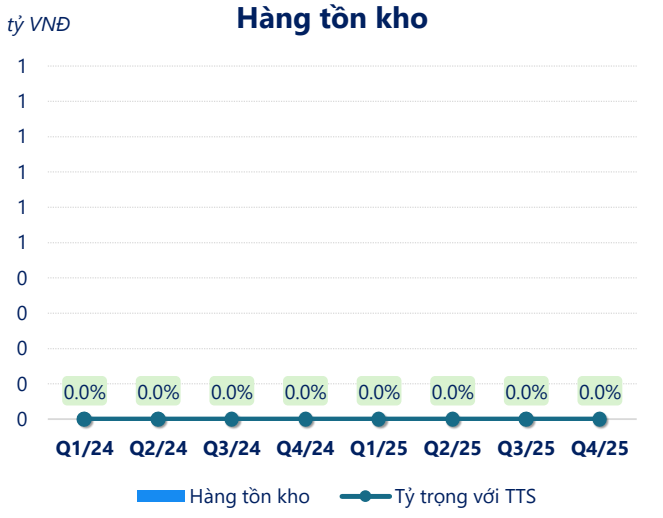
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



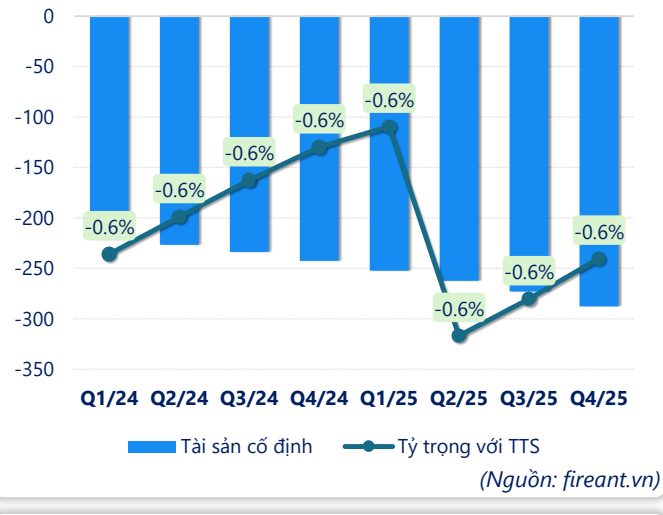
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



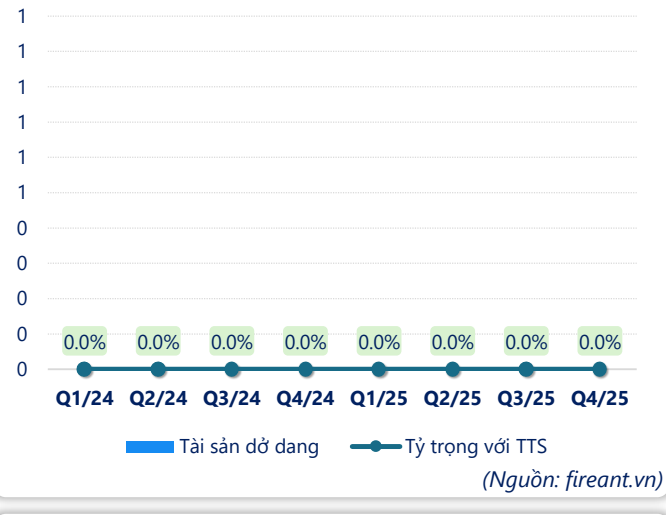
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



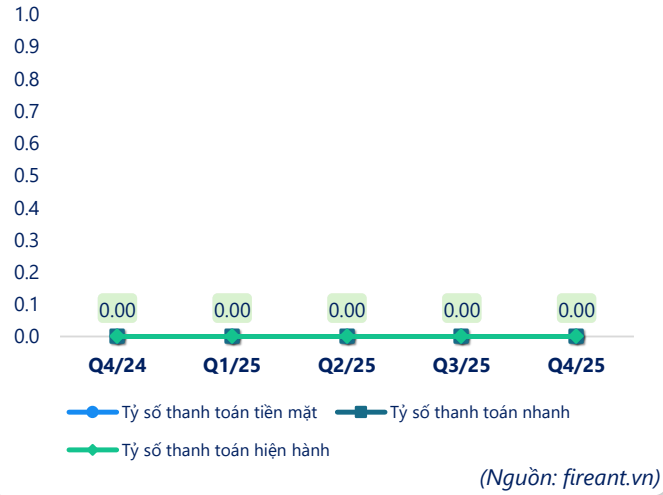
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



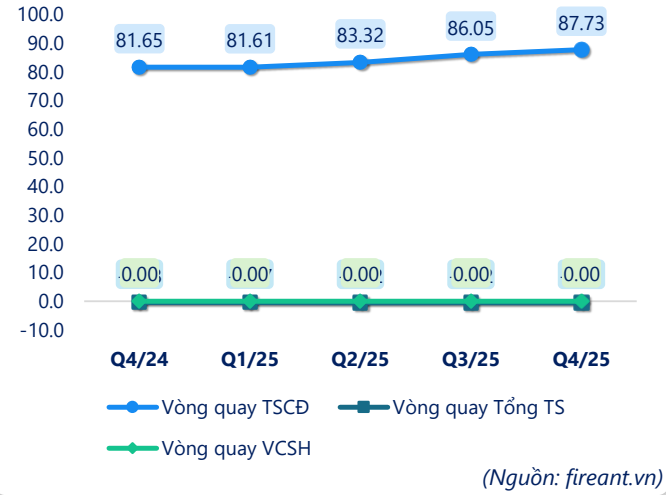
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**43,338**	**45,872**	**40,700**	**43,462**	**47,192**
Tài sản ngắn hạn	**1,162**	**1,655**	**1,477**	**1,259**	**1,085**
Tiền và tương đương tiền	14,370	2,611	1,745	2,790	35,404
Đầu tư tài chính ngắn hạn	89,027	75,532	78,704	92,659	115,682
Phải thu ngắn hạn	660	662	285	89.7	631
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	**1,716**	**1,744**	**1,686**	**2,059**	**2,071**
Phải thu dài hạn	3,470	3,540	3,508	3,952	3,965
Tài sản cố định	-242	-252	-262	-273	-288
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	105,407	88,804	85,408	93,107	125,593
Tài sản dài hạn khác	9,741	9,282	9,511	10,544	11,160
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**25,576**	**29,873**	**29,873**	**29,873**	**29,873**
Nợ ngắn hạn	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.06	0.06	0.06	0.06	0.06
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Vốn điều lệ	0	0	0	0	0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)